

Số: 82/2021/QĐST-DS

Châu Thành, ngày 28 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 229/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Chị Cao Hồng T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 179, tổ 8, ấp Tân H, xã Tân Nhuận Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T là ông Trần Thanh H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 13/26 đường số 11, phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Tân H, xã Tân Nhuận Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị D (vợ ông Quát), sinh năm 1942.

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân Nhuận Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Cao Thị Kh (con ông Quát), sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp Phú H, xã Tân Phú Đ, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, bà Kh là ông Trần Thanh H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 13/26 đường số 11, phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

3. Bà Cao Thị Bé B (con ông Quát), sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp T, xã Tân B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

4. Chị Cao Lệ Th (con ông Quát), sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp An L, xã An Kh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

5. Chị Cao Thị Thanh Ch (con bà Loan), sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp Hòa B, xã Nguyễn Văn Th, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

6. Anh Cao Thanh T (con bà Loan), sinh năm 1991.

7. Chị Cao Thúy L (con bà Loan), sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân Nhuận Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1. Đối với thửa 1015, tờ bản đồ số 41, diện tích đo đạc thực tế là 2.930,2m<sup>2</sup> hiện do hộ ông Cao Văn Quát đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà Nguyễn Ngọc L đang quản lý, các đương sự thống nhất như sau:

Công nhận cho bà Nguyễn Ngọc L được quyền quản lý, sử dụng diện tích 2.930,2m<sup>2</sup> (đất lúa). Vị trí đất xác định từ các mốc 5 – 6 – 7 – 8 – 5.

2. Đối với một phần thửa 1016, tờ bản đồ số 41, diện tích đo đạc thực tế 175,3m<sup>2</sup> hiện Cao Hồng T đứng tên giấy chứng nhận, các đương sự thống nhất như sau:

Công nhận cho bà Nguyễn Ngọc L được quyền quản lý, sử dụng diện tích 175,3m<sup>2</sup> (đất lúa). Vị trí đất xác định từ các mốc 3 – 4 – 5 – 8 – 3.

3. Các thành viên trong hộ gia đình bà Loan gồm Nguyễn Ngọc L, Cao Thị Thanh Ch, Cao Thanh T, Cao Thúy L đồng ý giao trả lại cho chị Cao Hồng T diện tích 402,7m<sup>2</sup> một phần thửa 1016, tờ bản đồ số 41, hiện Cao Hồng T đứng tên giấy chứng nhận. Vị trí đất xác định từ các mốc 1 – 2 – 3 – 4 – 1.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các bên có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh và làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng diện tích thực tế.

Người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng trong phạm vi phần đất của mình và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/12/2020 và sơ đồ đo đạc chỉnh lý của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành ngày 02/12/2021).

4. Về chi phí đo đạc, định giá: Các đương sự thống nhất như sau:

Chị Cao Hồng T tự nguyện chịu chi phí đo đạc, định giá là 2.894.000 đồng. Chị T đã chi xong.

Bà Nguyễn Ngọc L tự nguyện chịu chi phí đo đạc, định giá là 3.143.000 đồng. Bà Loan đã chi xong.

5. Về án phí các đương sự thỏa thuận:

Bà Nguyễn Ngọc L tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.087.000 đồng và được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013187 ngày 01 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà Loan còn phải nộp tiếp được nhận lại 787.000 đồng.

Chị Cao Hồng T tự nguyện chịu phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng và được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.072.000 đồng theo biên lai thu số 0008111 ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị T được nhận lại 922.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Châu Văn Bình**

---

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2016/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2016/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).